

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓN QUẢN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v: “Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Nguyễn Đình Như

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Văn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1972

Trú tại: Tổ 3, ấp 3, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước(Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt);

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1968

Trú tại: Tổ 03, ấp 3, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước(vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn, nhưng có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình, sau đó bà T, ông K cùng sinh sống tại tổ 03, ấp 3, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng bà T và ông K chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm liền, nên cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Từ tháng 10 năm 2021 bà T và ông K sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai, do tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Lê Thị T đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Trần Văn K là vợ chồng .

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau bà T và ông K có 03 con chung: Chị Trần Thị Đào, sinh năm: 1990; Trần Thị Kim Lụa, sinh năm: 1992 và Trần Văn Nghĩa, sinh năm: 1994; Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Bà T khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

\* Tại bản tự khai, trước khi mở phiên tòa bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Ông Trần Văn K thống nhất như lời trình bày của bà T về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm gì đến ai, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông cũng đồng ý với yêu cầu của bà T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Ông K trình bày như bà T. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Lê Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông bà Lê Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng. Xét ông bà Lê Thị T và ông Trần Văn K chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, ông K có nơi cư trú tại tổ 03, ấp 03, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Không công nhận vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[2] Trước khi mở phiên tòa, bà T và ông K đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận

việc xin xét xử vắng mặt của các đương sự, xét xử vắng mặt ông K và bà T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đề nghị Tòa án không công nhận giữa bà T và ông Trần Văn K là vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Lê Thị T và ông Trần Văn K sống chung với nhau từ năm 1989 có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán, có con chung với nhau nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp nên cũng không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mặt khác, từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay hai bên không chung sống với nhau nữa, cắt đứt tình cảm với nhau, không ai quan tâm gì đến ai nữa nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T đề nghị Tòa án không công nhận giữa bà và ông Trần Văn K là vợ chồng, yêu cầu này của bà T cũng được ông K đồng ý nên yêu cầu nêu trên của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông K có 03 con chung, gồm: Chị Trần Thị Đào, sinh năm: 1990; Trần Thị Kim Lụa, sinh năm: 1992 và Trần Văn Nghĩa, sinh năm: 1994. Nhưng các con đều đã trưởng thành nên cả hai bên đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giữa bà Lê Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng, là có căn cứ được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị T và ông Trần Văn K là vợ chồng.
2. Về con chung: Con đã trưởng thành nên bà Lê Thị T và ông Trần Văn K đều không đề nghị Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014039 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND H. Hớn Quản;
- Chi cục THADS H. Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ Thẩm phán**  
**– Chủ tọa phiên tòa.**

**Hồ Văn Thanh**